



# TÀI LIỆU

## HỘI NGHỊ GIAO BAN NGÀNH GỖ QUÝ III NĂM 2022

*Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ngày 28/7/2022*



## CHƯƠNG TRÌNH

**Hội nghị giao ban ngành gỗ Quý III năm 2022**

**Thời gian:** từ 13h00, thứ Năm, ngày 28/07/2022

**Địa điểm:** Khách sạn The Mira Central Park, Số 1809, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Thứ tự	Nội dung	Thực hiện
1	Đăng ký đại biểu	Ban tổ chức
2	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam
3	Phát biểu khai mạc, chào mừng, chỉ đạo Hội nghị	- Chủ tịch Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam - Lãnh đạo UBND tỉnh Đồng Nai - Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Lê Quốc Doanh
4	Báo cáo đánh giá kết quả xuất, nhập khẩu 7 tháng đầu năm năm 2022	Lãnh đạo Tổng cục Lâm nghiệp
5	Báo cáo về tình hình khó khăn trong chế biến, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ	Hiệp hội gỗ và Lâm sản Việt Nam
6	Tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu rừng trồng và các giải pháp	Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Tổ chức Forest Trends
7	<b>Thảo luận:</b> - Chia sẻ về tình hình thị trường gỗ và sản phẩm gỗ tại EU và Anh - <i>Hiệp hội phát triển Gỗ Vương quốc Anh (UKTD)</i> - Các cơ quan  - Đại diện các Hiệp hội: HAWA, BIFA, DOWA, FPA Bình Định - Đại diện các Doanh nghiệp	Toàn thể đại biểu
8	Nghỉ giải lao	Toàn thể đại biểu
9	<b>Công tác khen thưởng</b> Công bố, trao các Quyết định khen thưởng cho các tập thể, cá nhân ngành chế biến, xuất khẩu gỗ và lâm sản	Tổng cục Lâm nghiệp
10	Kết luận cuộc họp	Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT
11	Tiếp thu và bế mạc	Lãnh đạo Tổng cục Lâm nghiệp

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Tình hình sản xuất chế biến, xuất nhập khẩu gỗ và lâm sản**  
**7 tháng đầu năm 2022**

Tổng cục Lâm nghiệp báo cáo hoạt động chế biến, xuất nhập khẩu gỗ và lâm sản 7 tháng đầu năm 2022 với những nội dung chính như sau:

**I. KẾT QUẢ XUẤT NHẬP KHẨU GỖ VÀ LÂM SẢN**

**1. Xuất khẩu**

**a) Về giá trị**

- Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản tháng 7 ước đạt 1,41 tỷ USD, giảm 5,5 % so với tháng 6 năm 2022 và giảm 1,6 % so với cùng kỳ năm 2021.

- Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản 7 tháng đầu năm 2022 ước đạt 10,42 tỷ USD, tăng 1,3 % so với cùng kỳ năm 2021, trong đó:

+ Gỗ và sản phẩm gỗ đạt 9,72 tỷ USD, tăng 1,2 % (*dăm gỗ 1,4 tỷ USD, tăng 29,8%, viên nén gỗ 0,45 tỷ USD, tăng 78,5%, ván các loại 0,91 tỷ USD, tăng 22,1%; sản phẩm gỗ 6,97 tỷ USD, giảm 6,9%*;

+ Lâm sản ngoài gỗ đạt 0,7 tỷ USD, tăng 2,6 %.

**b) Về thị trường**

7 tháng đầu năm, gỗ và lâm sản xuất khẩu sang 110 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó, 5 thị trường Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, EU, Hàn Quốc tiếp tục là những thị trường xuất khẩu chính, tổng giá trị xuất khẩu tại 5 thị trường ước đạt 9,38 tỷ USD, chiếm 90 % tổng giá trị xuất khẩu của cả nước, trong đó:

- Hoa Kỳ đạt trên 5,84 tỷ USD, giảm 4,9 % so với cùng kỳ năm 2021 trong đó: Gỗ và sản phẩm gỗ 5,58 tỷ USD, giảm 5,1% (*ván các loại 347 triệu USD, tăng 29,8%, trong đó: ván dán 314 triệu USD, tăng 29.2 %; sản phẩm gỗ 5,02 tỷ USD, giảm 10,6 %*); lâm sản ngoài gỗ 0,25 tỷ USD, giảm 0,6 %.

- Nhật Bản đạt 1,04 tỷ USD, tăng 19,4 % so với cùng kỳ năm 2021, trong đó: Gỗ và sản phẩm gỗ 999 triệu USD, tăng 20,4% (*dăm gỗ 371 triệu USD, tăng 31,7 %; viên nén gỗ 177 triệu USD, tăng 66,5; ván các loại 58 triệu USD, tăng 14,5 %; sản phẩm gỗ 392 triệu USD, tăng 0,4 %*); lâm sản ngoài gỗ 36 triệu USD, giảm 2 %.

- Trung Quốc 1,161 tỷ USD, tăng 23,8 % so với cùng kỳ năm 2021, trong đó: Gỗ và sản phẩm gỗ 1,15 tỷ USD, tăng 22,9 % (*dăm gỗ 1,01 USD, tăng 36,7 %; gỗ tròn, xẻ 12 triệu USD, giảm 44 %; ván các loại 89 triệu USD, giảm 21,3%; sản phẩm gỗ 33 triệu USD, giảm 43,3%*); lâm sản ngoài gỗ 15 triệu USD tăng 164,2 %.

- EU 726 triệu USD, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó: Gỗ và sản phẩm gỗ 549 triệu USD, giảm 2,0%; lâm sản ngoài gỗ 177 triệu USD, tăng 10,6 %.

- Hàn Quốc 623 triệu USD, tăng 13.0 % so với cùng kỳ năm 2021, trong đó: Gỗ và sản phẩm gỗ 604 triệu USD, tăng 13.1 % (*dăm gỗ 44 triệu USD, tăng 10,8%; viên nén gỗ 257 triệu USD, tăng 71,8%; ván các loại 139 triệu USD, tăng 7,3%, trong đó: ván dán đạt 156 triệu USD, giảm 0,9 %; sản phẩm gỗ 122 triệu USD, giảm 32,4%*); lâm sản ngoài gỗ 19 triệu USD, tăng 7,9%.

*(Chi tiết tại Phụ lục I)*

## **2. Nhập khẩu**

### **a) Về giá trị**

- Giá trị nhập khẩu tháng 7 ước đạt 289,4 triệu USD, tăng 2,4 % so với cùng kỳ năm 2021.

- Giá trị nhập khẩu 7 tháng ước đạt 1,87 tỷ USD, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó: Gỗ nguyên liệu đạt 1,57 tỷ USD, tăng 6,4%; sản phẩm gỗ 295 triệu USD, giảm 15,7%.

### **b) Về thị trường:**

7 tháng đầu năm 2022, Việt Nam nhập khẩu từ hơn 90 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó, các thị trường nhập khẩu lớn là Trung Quốc, Hoa Kỳ, Camorun, Brasin, Thái Lan, Pháp, Chi Lê với tổng giá trị nhập khẩu ước đạt 1,18 tỷ USD, chiếm khoảng 55,9% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước, trong đó:

- Trung Quốc 677 triệu USD, giảm 0,4 % so với cùng kỳ năm 2021.
- Hoa Kỳ đạt 188,5 triệu USD, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm 2021.
- Camorun đạt 116 triệu USD, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2021.
- Brasin đạt 62,8 triệu USD, giảm 13% so với cùng kỳ năm 2021.
- Pháp đạt 50,5 triệu USD, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm 2021.
- Thái Lan đạt 81,4 triệu USD, giảm 16,6 % so với cùng kỳ năm 2021.
- Chi Lê đạt 45,1 triệu USD, giảm 23,9 % so với cùng kỳ năm 2021.

Một số thị trường có giá trị xuất khẩu tăng cao như Nga đạt 36,46 triệu USD, tăng 48%; Phần Lan đạt 16,2 triệu USD, tăng 29%, Bỉ đạt 7,36 triệu USD tăng 62,9%.

*(Chi tiết tại phụ lục II)*

## **3. Đánh giá**

- Tăng trưởng xuất khẩu 7 tháng đầu năm đạt thấp so với cùng kỳ năm 2021 và những năm trước đó. Nguyên nhân chủ yếu do giá nguyên liệu sản xuất và sản phẩm tăng cao (chi phí vật tư sản xuất, vận chuyển tăng mạnh); các quốc gia thắt chặt chính sách tín dụng do lạm phát có xu hướng tăng dẫn đến nhu cầu tiêu dùng giảm mạnh.

- Một số mặt hàng có tăng trưởng xuất khẩu cao như dăm gỗ, tăng 29,8%; viên nén tăng 78% do nhu cầu thế giới tăng cao; giá xuất khẩu các mặt hàng này cũng tăng cao, đạt trung bình 170 USD/tấn, tăng hơn 30% so với cùng kỳ 2021.

- Thị trường xuất khẩu sang Hoa Kỳ giảm 4,9% do chính sách thắt chặt tín dụng để kiềm hãm lạm phát tăng dần đến nhu cầu tiêu dùng giảm. Xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc tăng trưởng mạnh, trên 13%, do xuất khẩu dăm gỗ và viên nén tăng.

- Nhập khẩu nguyên liệu từ các thị trường Châu Âu giảm mạnh, cụ thể: Đức giảm 2,2%, Pháp giảm 6,9%, Italia giảm 10,1%, Thụy Điển giảm 42,1%, nguyên nhân có thể do ảnh hưởng của xung đột Nga-Ukraine, dẫn đến vận chuyển gặp khó khăn.

- Nhập khẩu nguyên liệu từ một số quốc gia tăng cao như Nga, Phần Lan, Bỉ... do phải tìm kiếm nguồn nguyên liệu bổ sung do nguồn cung giảm tại các thị trường khác.

- Nguồn cung nguyên liệu từ gỗ rừng trồng trong nước vẫn đảm bảo đáp ứng được nhu cầu sản xuất. Hiện nay, do nhu cầu sản xuất dăm gỗ và viên nén tăng, dẫn đến giá thu mua tăng cao, trên 30% nên các chủ rừng có xu hướng chặt rừng non (rừng trồng 3-4 tuổi), dẫn đến nguy cơ thiếu hụt nguyên liệu gỗ cho chế biến các loại sản phẩm gỗ.

## **II. CÁC NỘI DUNG NGÀNH LÂM NGHIỆP ĐÃ TRIỂN KHAI**

### **1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021-2025” tại Quyết định số 327/QĐ-TTg ngày 10/3/2022 với mục tiêu phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ thành một ngành kinh tế quan trọng của đất nước. Xây dựng và phát triển thương hiệu Gỗ Việt Nam có uy tín; phấn đấu để Việt Nam nằm trong nhóm các nước hàng đầu thế giới về sản xuất, chế biến, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ.

- Hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Trong đó đã xác định rõ quan điểm, định hướng phát triển ngành chế biến gỗ và lâm sản.

- Hoàn thiện trình Chính phủ ban hành Nghị định về một số chính sách trong lâm nghiệp, trong đó có chính sách phát triển trồng rừng gỗ nguyên liệu; chế biến, xuất khẩu gỗ và lâm sản.

- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định về hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam, để sửa đổi, bổ sung vào năm 2023.

- Xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 2752/QĐ-BNN-TCLN ngày 20/7/2022 công bố Danh mục các loại gỗ đã nhập khẩu vào Việt Nam.

## **2. Các nội dung về chỉ đạo điều hành**

- Đối với vụ việc khởi xướng điều tra của DOC Hoa Kỳ đối với mặt hàng gỗ và bàn trang điểm: Tổng cục Lâm nghiệp đã phối hợp với Cục Phòng vệ Thương mại và các cơ quan, đơn vị liên quan bàn giải pháp để ứng phó với vụ điều tra, qua đó đã thống nhất: các cơ quan Nhà nước sẽ căn cứ chức năng, nhiệm vụ để chuẩn bị các nội dung, có kiến nghị với DOC Hoa Kỳ; Hiệp hội, doanh nghiệp sẵn sàng chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để làm việc với DOC, sẵn sàng huy động tài chính để thuê luật sư tham gia vụ việc. Ngày 08/7/2022, Tổng cục Lâm nghiệp đã có Thư kiến nghị gửi DOC.

- Ngày 15/6/2022, Tổng cục Lâm nghiệp đã có Văn bản số 27/TCLN-PTSXLN đề nghị các Sở Nông nghiệp các tỉnh, thành phố tăng cường kiểm tra các cơ sở sản xuất, chế biến gỗ dán và các sản phẩm gỗ dán để đảm bảo thực hiện nghiêm quy định về hồ sơ nguồn gốc lâm sản.

## **3. Các nội dung khác**

- Tổng cục Lâm nghiệp thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội gỗ và lâm sản, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị giao ban ngành gỗ quý I, II nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gỗ và lâm sản; tổ chức các lớp tập huấn phổ biến và triển khai các quy định về bảo đảm gỗ hợp pháp cho các cơ quan, doanh nghiệp ngành gỗ;

- Trong tháng 9, tháng 10/2022, Tổng cục Lâm nghiệp dự kiến tổ chức 01 Hội nghị xúc tiến đầu tư chế biến gỗ và lâm sản vào các tỉnh khu vực miền núi phía bắc và 01 Hội thảo Thúc đẩy thương hiệu gỗ Việt tại Thành phố Hồ Chí Minh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành chế biến gỗ và lâm sản.

## **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Đề tháo gỡ những khó khăn cho chế biến xuất khẩu gỗ và lâm sản, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo các đơn vị triển khai hiệu quả các nội dung sau:

### **1. Tổng cục Lâm nghiệp khẩn trương triển khai:**

a) Tiếp tục hoàn thiện, trình ban hành các Văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch (Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Nghị định của Chính phủ về một số chính sách trong lâm nghiệp; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ; Thông tư thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020); Đề án Phát triển nguyên liệu phục vụ chế biến gỗ và xuất khẩu; kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021-2030.

b) Tiếp tục triển khai hiệu quả kế hoạch thực hiện Thoán thuận về Khai thác và thương mại lâm sản bất hợp pháp do Chính phủ Việt Nam ký với Chính phủ Hoa Kỳ.

c) Tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư chế biến gỗ và lâm sản vào các tỉnh khu vực miền núi phía bắc vào Quý III năm 2022, Hội thảo Thúc đẩy thương hiệu gỗ Việt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Quý IV năm 2022.

d) Tiếp tục phối hợp với Cục Phòng vệ thương mại, Hiệp hội gỗ và Lâm sản Việt Nam thường xuyên nắm bắt thông tin, kịp thời xử lý những yêu cầu của DOC trong vụ điều tra ván dán, tủ gỗ, bàn trang điểm.

đ) Phối hợp với Hiệp hội gỗ và Lâm sản Việt Nam nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, kịp thời tham mưu xử lý, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp ngành gỗ.

**2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố chỉ đạo cơ quan Kiểm lâm tăng cường kiểm tra hồ sơ lâm sản; rà soát diện tích đất sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu gắn với cơ sở chế biến phù hợp với quy hoạch của địa phương; tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn vốn hỗ trợ, phát triển các mô hình liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp chế biến gỗ với các chủ rừng trong trồng rừng gỗ lớn, thực hiện chứng chỉ rừng.**

### **3. Các Hiệp hội chế biến gỗ và lâm sản:**

- Thường xuyên phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong việc thực thi các quy định pháp luật; kiến nghị Chính phủ, các Bộ ngành và địa phương để tháo gỡ khó khăn, khơi thông nguồn lực cho phát triển ngành công nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ.

- Tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm; kịp thời phát hiện và thông báo đến các cơ quan quản lý nhà nước để xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước trong việc ứng phó với các vụ việc phòng vệ thương mại.

**4. Các doanh nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh; kịp thời ứng phó với những biến động của thị trường; thực hiện nghiêm quy định về hồ sơ nguồn gốc lâm sản và các quy định khác có liên quan trong hoạt động sản xuất, kinh doanh gỗ và lâm sản.**

Trên đây là báo cáo của Tổng cục Lâm nghiệp về kết quả xuất nhập khẩu gỗ và lâm sản 7 tháng đầu năm và giải pháp đạt mục tiêu xuất khẩu lâm sản năm 2022.

Trân trọng cảm ơn!

**TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP**

**Phụ lục I.**  
**Xuất khẩu gỗ và lâm sản của Việt Nam 7 tháng đầu năm 2022**

*Đơn vị tính: Triệu USD*

TT	Sản phẩm	Xuất khẩu của cả nước			5 thị trường chính									
		Năm 2021	Năm 2022	Tăng so 2021 (%)	Hoa Kỳ		Nhật Bản		Trung		EU		Hàn Quốc	
					Giá trị	Tăng so 2021 (%)	Giá trị	Tăng so 2021 (%)	Giá trị	Tăng so 2021 (%)	Giá trị	Tăng so 2021 (%)	Giá trị	Tăng so 2021 (%)
	<b>TỔNG</b>	<b>10,2</b>	<b>10,415</b>	<b>1.3</b>	<b>5,838</b>	<b>-4.9</b>	<b>1,035</b>	<b>19.4</b>	<b>1,161</b>	<b>23.8</b>	<b>726</b>	<b>0.8</b>	<b>623</b>	<b>13.0</b>
	<i>Gỗ và SPG</i>	<i>9,607</i>	<i>9,718</i>	<i>1.2</i>	<i>5,584</i>	<i>-5.1</i>	<i>999</i>	<i>20.4</i>	<i>1,146</i>	<i>22.9</i>	<i>549</i>	<i>-2.0</i>	<i>604</i>	<i>13.1</i>
	<b>Gỗ</b>	<b>2,123</b>	<b>2,750</b>	<b>29.5</b>	<b>359</b>	<b>31.3</b>	<b>607</b>	<b>38.0</b>	<b>1,113</b>	<b>27.4</b>	<b>12</b>	<b>41.2</b>	<b>461</b>	<b>30.3</b>
	Dăm gỗ	1,072	1,392	29.8	0		371	31.7	1,007	36.7	0		44	10.8
	Viên nén gỗ	252	450	78.5	0		177	66.5	0	-100.0	0		257	71.8
	Gỗ tròn	1	1	-20.9	0		0	-100.0	0	-19.3	0		0	-100.0
	Gỗ xẻ	29	22	-24.0	1	-81.0	0	26.2	12	-44.5	0		1	83.8
	Ván các loại	746	911	22.1	347	29.8	58	14.5	89	-21.3	12	43.1	156	-0.9
	Ván dán	571	726	27.0	31	29.2	49	18.7	0	-96.8	10	113.8	147	-0.8
	Gỗ khác	25	24	-2.6	12	258.4	1	-1.7	4	250.5	0	-100.0	3	-51.0
	<b>Sản phẩm gỗ</b>	<b>7,484</b>	<b>6,968</b>	<b>-6.9</b>	<b>5,225</b>	<b>-6.8</b>	<b>392</b>	<b>0.4</b>	<b>33</b>	<b>-43.3</b>	<b>537</b>	<b>-2.7</b>	<b>122</b>	<b>-32.4</b>
	Đồ nội thất (gồm cả ghế)	6,768	6,383	-5.7	4,955	-8.2	278	-5.6	27	-47.2	461	-2.6	90	-30.6
	<i>Đồ nội thất phòng bếp</i>	<i>544</i>	<i>682</i>	<i>25.4</i>	<i>577</i>	<i>41.7</i>	<i>46</i>	<i>-2.4</i>	<i>3</i>	<i>-33.0</i>	<i>21</i>	<i>0.3</i>	<i>14</i>	<i>-16.6</i>
	Đồ gỗ xây dựng	279	324	16.0	204	35.9	47	24.3	2	-16.5	39	13.5	14	-36.9
	Sản phẩm gỗ khác	404	203	-49.8	66	14.1	67	15.4	4	-10.8	37	-16.2	18	-37.1
	<b>Lâm sản ngoài gỗ</b>	<b>679</b>	<b>697</b>	<b>2.6</b>	<b>254</b>	<b>-0.6</b>	<b>36</b>	<b>-2.0</b>	<b>15</b>	<b>164.2</b>	<b>177</b>	<b>10.6</b>	<b>19</b>	<b>7.9</b>
	Mây tre	521	538	3.2	222	-1.4	35	-3.0	15	170.6	162	8.9	14	0.4
	Quế hồi	158	159	0.9	32	5.5	2	29.1	0	34.4	15	34.4	5	36.5



**Phụ lục II.**  
**Thị trường chủ yếu xuất khẩu gỗ vào Việt Nam 7 tháng đầu năm 2022**

*Đơn vị tính: USD*

STT	Nước cung cấp	7 tháng 2022	So sánh với cùng kỳ 2021 (%)
	<b>Tổng nhập khẩu của cả nước</b>	<b>1,865,995,108</b>	<b>2.2</b>
1	Trung Quốc	677,123,067	-0.8
2	Hoa Kỳ	188,544,699	-2.3
3	Thái Lan	81,444,881	-16.6
4	Bra zin	62,848,208	-13.0
5	Pháp	50,489,399	-0.6
6	Chi Lê	45,051,497	-23.8
7	Nga	36,464,957	49.6
8	NiuziLân	35,875,989	-10.1
9	Đức	32,731,743	-2.2
10	Malaixia	25,097,192	-10.8
11	Phần Lan	16,007,111	29.7
12	Indônêxia	15,093,046	-16.3
13	Áchentina	13,737,659	80.0
14	Hàn Quốc	13,478,658	-9.3
15	Italia	10,453,771	-10.1
16	Bỉ	7,366,592	62.9
17	<i>Các thị trường khác</i>	<i>554,186,639</i>	<i>16.5</i>